

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2021/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức chi cụ thể và thời gian hưởng chế độ
hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV

SỔ TƯ PHÁP VÀ ĐƠN BIỂU Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026
trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ĐẾN Số:1218.....
Ngày: 30/3/21...

Chuyển:
Số và ký hiệu HS:.....
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 20

(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân
dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết
toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 354/TTr-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về
việc quy định mức chi cụ thể và thời gian hưởng chế độ hỗ trợ phục vụ công tác
tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban
kinh tế - ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể và thời gian hưởng chế độ hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử các cấp (tỉnh, huyện, xã);
- b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp;
- c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (tỉnh, huyện, xã);
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác phục vụ bầu cử.

Điều 2. Mức chi cụ thể, thời gian hưởng chế độ hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

1. Mức chi cụ thể và thời gian hưởng chế độ hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bến Tre được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 do ngân sách Nhà nước đảm bảo (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
- 3. Đối với khối lượng công việc của địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
- 4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 20 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban bầu cử tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh; Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

Phụ lục

Mức chi cụ thể và thời gian hướng chế độ hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Kiểm theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
1	Chi tổ chức hội nghị, tập huấn					
a	Chi tổ chức hội nghị					Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
b	Chi tổ chức tập huấn cho người tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử					Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp					
a	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử					
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	180.000	150.000	
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000	90.000	80.000	
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử					
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	130.000	100.000	
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	70.000	60.000	
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử					
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:					
	- Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000	180.000	150.000	
	- Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000	90.000	80.000	
	- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát					
	+ Phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	80.000	70.000	60.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
	+ Phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	50.000	40.000	30.000	
	- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:					
	+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	2.000.000	1.500.000	1.000.000	
	+ Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:	đồng/người/lần	300.000	200.000	100.000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản
	+ Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000	
4	Chi xây dựng văn bản					
			Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các định mức chi phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử					
b	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Kế hoạch; văn bản chỉ đạo, triển khai; văn bản hướng dẫn; báo cáo sơ kết, tổng kết; biên bản tổng kết cuộc bầu cử):					
	- Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản	1.500.000	1.000.000	500.000	
	- Chi cho các cá nhân, chuyên gia tham gia ý kiến bằng văn bản	đồng/người/lần	300.000	200.000	100.000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
59	Cấp bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử					
60	Cấp bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ cho các đối tượng:					
	- Trưởng, Phó Ủy ban bầu cử và các thành viên Ủy ban bầu cử; người làm nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.					
	- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng các Tiểu ban Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000	1.500.000	1.000.000	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời điểm có văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập các tổ chức bầu cử tại địa phương có hiệu lực thi hành đến khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định pháp luật
	- Thành viên Ủy ban bầu cử, Phó Trưởng các Tiểu ban và Thành viên các Tiểu ban Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.500.000	1.000.000	700.000	
	- Thành viên Tổ giúp việc (Tổ công tác) của các Tiểu ban Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.000.000	700.000	500.000	
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc của Tiểu ban Ủy ban bầu cử)	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000	Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày tính theo ngày thực hiện nhiệm vụ thực tế (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).
	Trưởng hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức:	đồng/người/tháng	1.500.000	1.200.000	750.000	Danh sách chi trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

T/TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Ghi chú
c	Chi bồi dưỡng 02 ngày cao điểm phục vụ công tác bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử),	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000	Áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:					
a	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng các Tiểu ban Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	400.000	350.000	300.000	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời điểm có văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập các tổ chức bầu cử tại địa phương có hiệu lực thi hành đến khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định pháp luật
b	Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban và Thành viên các Tiểu ban Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	350.000	300.000	250.000	
c	Thành viên Tổ giúp việc (Tổ công tác) của các Tiểu ban Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	250.000	200.000	150.000	
d	Ngoài các đối tượng nêu trên, trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động	đồng/người/tháng	200.000	150.000	100.000	
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử					
a	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000	
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	60.000	60.000	
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
8	Chi đóng hòm phiếu	đồng/hòm phiếu		350.000		
9	Chi khắc dấu	đồng/dấu		250.000		
10	Chi băng niêm yết danh sách bầu cử	đồng/băng		1.500.000		
11	Chi khoán hỗ trợ tiền (trà, nước, bánh,...) cho các Tổ Nhân dân tự quản (NDTQ) trong việc tuyên truyền về bầu cử	đồng/Tổ NDTQ		150.000		
12	Chi khoán hỗ trợ tiền trang trí cho các khu vực bỏ phiếu (màn che, băng rôn, khẩu hiệu, cờ, phướn,...)	đồng/khu vực bỏ phiếu		1.500.000		
13	Đối với các nội dung chi khác không thuộc định mức nêu trên thì thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.					